TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THỦY** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Thùy Hương;
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Huỳnh Văn Nhân;

Ông Đỗ Trọng Tuấn;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Trung Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 318/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 460/2018/QĐXX-ST ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1962

Địa chỉ: 258/7A tổ 1, khu vực H, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

2/ Bị đơn: Bà Bùi Thị C, sinh năm 1953

Địa chỉ: 258/7A tổ 1, khu vực H, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ.

3/ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Đoàn Văn Đ – Văn phòng luật sư V thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

Tất cả đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:

Ông Nguyễn Văn A và bà Bùi Thị C tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1987 nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ(cũ). Trong quá trình chung sống, ông bà

thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Sau đó bà C tự bỏ nhà ra đi khoảng 05 đến 06 năm nay, vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm nhau, mỗi người có cuộc sống riêng. Đến khi bà C về nhà thì vợ chồng thường xuyên cãi vả, mặc dù sống chung nhà nhưng tự ai nấy lo, không còn sự thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Ông A nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có một con chung tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 29/02/1990. Đến nay Nguyễn Văn D đã trưởng thành, có thể tự sống độc lập, không cần người chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn A mong muốn tự thỏa thuận phân chia với bà Nguyễn Thị C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Bùi Thị C trình bày: Bà C thống nhất với phần trình bày của ông A về thời gian, quá trình kết hôn và con chung. Về yêu cầu ly hôn của ông A, bà C cho rằng từ khi ông bà đám cưới đến nay ông A không quan tâm, chăm sóc gia đình. Bà C tự mình phải đi làm nuôi con. Bà C thừa nhận có bỏ nhà đi làm để kiếm tiền lo cho gia đình khoảng 02 năm nay. Trong thời gian bà C đi làm, ông A ở nhà có người phụ nữ khác bên ngoài. Thời gian gần đây bà đã về sống chung với ông A nhưng vợ chồng thường xuyên cãi vả, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, bà C cho rằng vì con nên bà C không đồng ý ly hôn với ông A.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân theo đơn yêu cầu ngày 05/12/2017. Đến ngày 13/11/2018 bà C có đơn rút yêu cầu về việc giải quyết tài sản chung, nợ chung. Bà C mong muốn được tự thỏa thuận phân chia với ông A, không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

Tại phiên toà, nguyên đơn ông A và bị đơn bà C không có ý kiến thay đổi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C phát biểu quan điểm bảo vệ: Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông A và bà C không có mâu thuẫn. Vì bà C tự ý bỏ nhà đi không có sự đồng ý của ông A nên ông A yêu cầu ly hôn với bà C, lý do ông A nêu ra để yêu cầu ly hôn với bà C không chính đáng. Bà C cho rằng ông A có quan hệ ngoại tình với người khác nhưng không có chứng cứ

chứng minh. Do đó, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Bùi Thị C có địa chỉ: 258/7A tổ 1, khu vực H, phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào Điều 28 và 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị C chung sống như vợ chồng từ năm 1987 và có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ(cũ) năm 2002. Hôn nhân của ông A và bà C là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo ông A, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vả. Bà C tự ý bỏ nhà đi mà không được sự đồng ý của ông. Vợ chồng đã không chung sống với nhau từ khi bà C bỏ đi cho đến nay, thời gian gần đây bà C về sống chung nhà với ông nhưng tự ai nấy lo, không quan tâm, chăm sóc. Hiện nay, ông A cho rằng không còn tình cảm với bà C nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà C.

Bà Nguyễn Thi C thừa nhận trong thời gian chung sống với ông A thì ông A không biết quan tâm gia đình, tự một mình bà phải làm nuôi con. Bà có bỏ nhà đi làm 02 năm là để có tiền nuôi con. Sau đó bà trở về nhà thì phát hiện ông A có quan hệ ngoại tình với người khác. Hiện nay mặc dù vợ chồng sống chung một nhà nhưng giữa ông A và bà không có tiếng nói chung, tự ai nấy lo, không còn quan tâm lẫn nhau, chăm sóc lẫn nhau.

Từ những lý do trên cho thấy mâu thuẫn giữa ông A và bà C đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người chỉ biết bổn phận của người đó, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông A yêu cầu được ly hôn với bà C là có cơ sở, phù hợp với căn cứ cho ly hôn tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông A, không chấp nhận lý do xin đoàn tụ của bà C, cũng như quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có một con chung tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 29/02/1990. Đến nay Nguyễn Văn D đã trưởng thành, có thể tự sống độc lập, không cần người chăm sóc nuôi dưỡng nên Tòa án không xem xét.

[2.2] Về Tài sản chung, nợ chung:

Ngày 05/12/2017 bà C có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Đến ngày 13/11/2018, bà C đã nộp đơn rút yêu cầu này. Tại phiên tòa, ông A, bà C đều mong muốn được tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà C vấn đề tài sản chung, nợ chung và hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chia tài sản mà bà C đã tạm nộp. Các đương sự có quyền khởi kiện vụ án độc lập để yêu cầu Tòa án giải quyết nếu có tranh chấp.

[3]Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn A được Tòa án chấp nhận nên ông A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A đối với bà Bùi Thị C về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Văn A được ly hôn với bà Bùi Thị C.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 29/02/1990, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung của bị đơn bà Bùi Thị C theo đơn yêu cầu ngày 05/12/2017.

Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn là 300.000(*Ba trăm nghìn)*đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông A đã nộp là 300.000(*Ba trăm nghìn)*đồng theo biên lai thu số 008586 ngày 02/10/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Ông A đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị C số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 3.375.000(*Ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn*)đồng theo biên lai thu số 008803 ngày 11/12/2017 tại Chi cục thi hành án Dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/11/2018).

*Nơi nhận
-Viện kiểm sát ND quận Bình Thủy;
-Chi cục THA DS quận Bình Thủy;
-UBND phường T
(nơi đăng ký kết hôn);
-Đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Thùy Hương